



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
(INTERSERCO)

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

HÀ NỘI - THÁNG 9 NĂM 2015

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
(INTERSERCO)**

-----***-----

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

HÀ NỘI – THÁNG 9 NĂM 2015

MỤC LỤC

PHẦN MỘT: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ	6
I. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP.....	6
1. Một số thông tin chung về doanh nghiệp.....	6
2. Quá trình hình thành.....	6
3. Ngành nghề kinh doanh.....	7
4. Vốn điều lệ:.....	11
5. Tổ chức bộ máy và tình hình lao động	11
5.1. Mô hình tổ chức bộ máy trước cổ phần hóa:.....	11
5.2. Bộ máy quản lý cấp Công ty:.....	13
5.3. Các đơn vị trực thuộc:.....	13
5.4. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	14
6. Tình hình tài sản, sử dụng đất.....	14
6.1. Tình hình sử dụng đất.....	15
6.2. Tình hình tài sản doanh nghiệp đang sử dụng.....	19
7. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội:.....	20
8. Tình hình hoạt động kinh doanh 03 năm trước khi cổ phần hoá.....	20
8.1. Đánh giá chung.....	20
8.2. Thực trạng về tài chính của Công ty trong 3 năm 2012 đến 2014.....	21
8.3. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 03 năm gần đây.....	22
9. Những yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.....	24
9.1. Theo hướng tích cực:.....	24
9.2. Theo hướng tiêu cực:.....	24
9.3. Cơ hội:.....	25
II. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	24
1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:.....	25
2. Quyền sử dụng đất.....	27
PHẦN HAI: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ	28

I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HOÁ.....	27
1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa.....	28
2. Ngành nghề kinh doanh.....	28
3. Mô hình tổ chức:.....	32
4. Vốn điều lệ.....	36
4.1 Vốn điều lệ.....	36
4.2. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhà nước.....	36
II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA.....	36
1. Phương án cổ phần hóa.....	36
2. Tổ chức bán cổ phần.....	37
3. Cổ phần ưu đãi cho nhà đầu tư chiến lược.....	39
4. Cổ phần bán đấu giá công khai.....	39
III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG.....	40
1. Định hướng.....	40
2. Kế hoạch sắp xếp lao động.....	40
3. Về chính sách tiền lương.....	41
IV. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....	43
1. Phương án sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa.....	43
2. Dự án đầu tư trọng điểm.....	44
3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau Cổ phần hóa.....	44
4. Kế hoạch sử dụng đất sau khi Cổ phần hóa.....	46
5. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty sau khi Cổ phần hóa.....	47
V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....	50
PHẦN BA:TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ.....	53
I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	53
II. KIẾN NGHỊ.....	53
III. KẾT LUẬN.....	54

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

Căn cứ Công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 – 2015;

Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành các Quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành các quy trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5016/QĐ-UBND ngày 30/09/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế INTERSERCO;

Căn cứ Quyết định số 6308/QĐ-STC-BCĐ ngày 30/10/2015 của Sở Tài chính Hà Nội về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế INTERSERCO.

Căn cứ Các văn bản pháp luật liên quan;

Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế xây dựng phương án cổ phần hóa Công ty cụ thể như sau:


PHẦN MỘT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

I. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP

1. Một số thông tin chung về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
- Tên giao dịch quốc tế: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE COMPANY
- Tên viết tắt: INTERSERCO
- Trụ sở chính: số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 043 5620 136
- Fax: 043 5620 136
- Email: contact@interserco.com.vn
info@interserco.com.vn
- Website: <http://www.interserco.com.vn>
http://www.interserco.vn

- Biểu tượng (Logo): 

Màu sắc: đỏ sẫm, xanh dương đậm; nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể, không bảo hộ riêng hình địa cầu, hình bản đồ Việt Nam. Là nhãn hiệu hàng hoá đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 115461 theo Quyết định số 25801/QĐ-SHTT ngày 05.12.2008.

2. Quá trình hình thành

Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (INTERSERCO) là doanh nghiệp Nhà nước thành lập từ tháng 08 năm 1980 trực thuộc UBND thành phố Hà Nội với tên gọi ban đầu là Trạm tiếp nhận lao động đi nước ngoài. Cho đến nay, Công ty đã trải qua 35 năm tồn tại và phát triển cùng với những thay đổi không ngừng về mọi mặt của đất nước.

- Ngày 05/10/1985, UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3714/QĐ-TC đổi tên và thành lập Trạm lao động hợp tác quốc tế. Là đơn vị sự nghiệp, được mở tài khoản và sử dụng con dấu riêng.
- Ngày 15/08/1987, UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3404/QĐ-UB thành lập Công ty dịch vụ lao động hợp tác quốc tế trực thuộc Sở Lao động TB&XH Hà Nội. Là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản, con dấu riêng.
- Ngày 24/12/1988, UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 6599/QĐ-UB sáp nhập Trạm dịch vụ trả hàng hợp tác lao động vào Công ty Dịch vụ lao động hợp tác Quốc tế.
- Ngày 26/03/1993, UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 1248/QĐ-UB thành lập và bổ sung thêm chức năng nhiệm vụ cho Công ty dịch vụ lao động hợp tác quốc tế.
- Ngày 18/06/2004, UBND thành phố Hà Nội ra Quyết định số 3871/QĐ-UB đổi tên Công ty Dịch vụ lao động hợp tác quốc tế thành Công ty cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội.
- Năm 2005, thực hiện theo Quyết định chuyển đổi số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của UBND Thành phố Hà Nội, Công ty Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội và được Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 ngày 20/02/2006.
- Thực hiện quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 05/04/2010, Công ty đổi tên từ Công ty TNHH NN MTV Cung ứng nhân lực và Dịch vụ quốc tế Hà Nội thành Công ty TNHH NN MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế.
- Ngày 01/06/2010, UBND thành phố Hà Nội ra quyết định số 2417/QĐ-UBND đổi tên Công ty TNHH NN MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.
- Ngày 26/08/2010, UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 4153/QĐ-UBND về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế, mã số doanh nghiệp 0100110052 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15/05/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistic	5229 (chính)
2	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ hàng tập nhập tái xuất và quá cảnh Kinh doanh bán hàng miễn thuế Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
4	Sản xuất giày dép	1520
5	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
7	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
8	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
9	Dịch vụ liên quan đến in	1812
10	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
11	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
12	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
13	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
14	In ấn	1811
15	Xây dựng nhà các loại	4100
16	Phá dỡ	4311
17	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
20	Xây dựng công trình công ích	4220

21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
22	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
23	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
24	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
25	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
26	Bán mô tô, xe máy	4541
27	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
28	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
29	Bán buôn tổng hợp	4690
30	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
31	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510
32	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5629
33	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5630
34	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo trí)	6312
35	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
36	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
40	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

41	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố người nước ngoài)	4610
42	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
43	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44	Bán buôn thiết bị và kinh kiện điện tử, viễn thông	4652
45	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
46	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
47	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất khác (trừ hoá chất Nhà nước cấm)	4669
48	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
50	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
51	Đại lý du lịch	7911
52	Giáo dục nghề nghiệp	8532
53	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền)	9610
54	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	1710
55	Quảng cáo	7310
56	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
57	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
58	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

59	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm)	0899
60	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải đa phương thức	4932

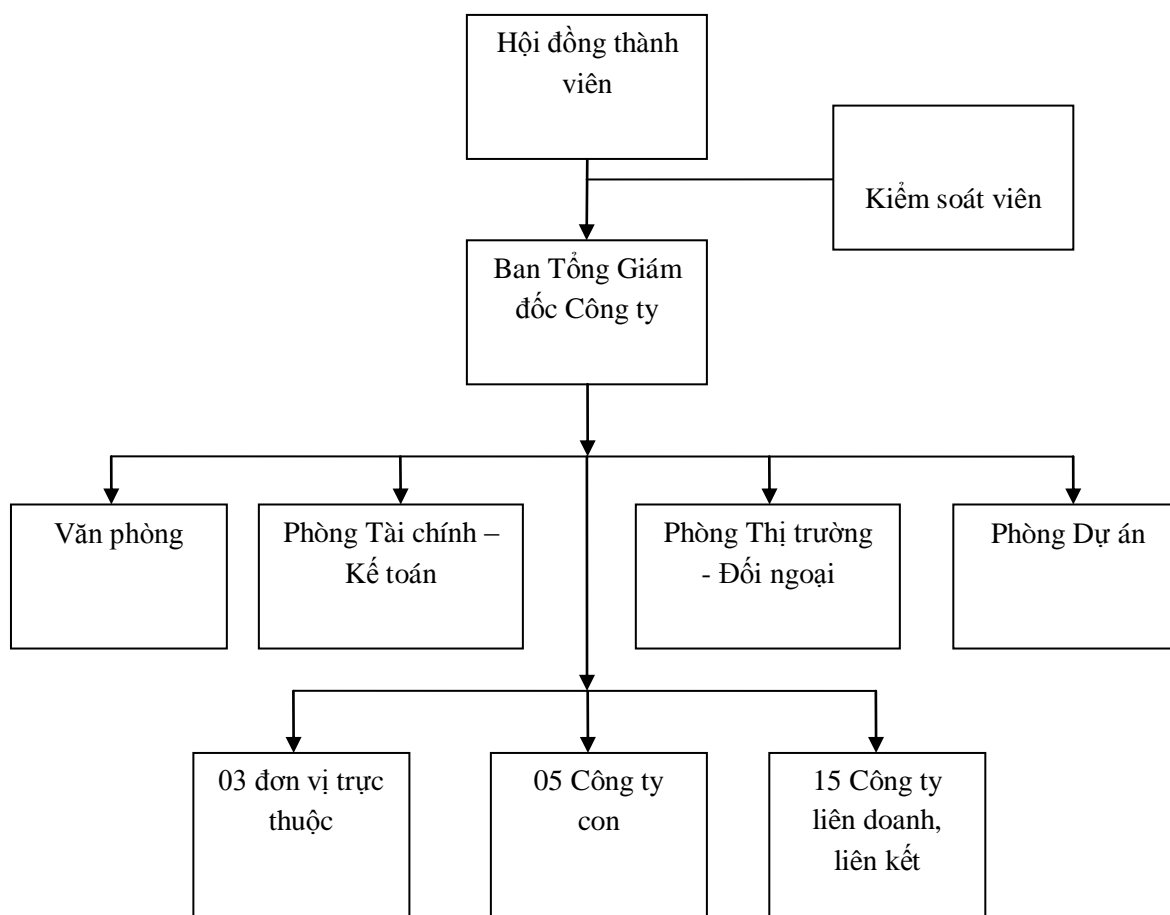
(Nguồn: Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế)

- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ logistic; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Kinh doanh cảng cạn ICD Mỹ Đình; Dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

4. Vốn điều lệ: 454.000.000.000 đồng. (Bốn trăm năm mươi tư tỷ đồng)

5. Tổ chức bộ máy và tình hình lao động

5.1. Mô hình tổ chức bộ máy trước cổ phần hóa:



Các đơn vị trực thuộc:

Phương án CPH Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế (INTERSERCO)

- Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội (thành phố Hà Nội) – 1H Bà Triệu, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hóa – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế - 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Xí nghiệp sản xuất và Thương mại Sơn Đồng – chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội – Cụm 4 xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Danh sách Công ty con

1. Công ty cổ phần INTERSERCO Mỹ Đình.
2. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế - INTERSERCO ICC.
3. Công ty cổ phần Cung ứng và Nhân lực Quốc tế.
4. Công ty cổ phần Cảng Hồng Hà
5. Công ty cổ phần Điện tử Giảng Võ. (khoản đầu tư vào Công ty này INTERSERCO trình UBND thành phố Hà Nội cho thoái toàn bộ vốn góp, Công ty không đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa).

Danh sách Công ty liên doanh, liên kết

1. Công ty cổ phần Thương mại quốc tế INTERSERCO Việt Nam.
2. Công ty cổ phần Logistic hàng không.
3. Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản quốc tế.
4. Công ty cổ phần Dịch vụ sân bay.
5. Công ty TNHH Khai thác và chế biến đá An Bình – Yên Bái.
6. Công ty cổ phần INTERSERCO-CB.
7. Công ty TNHH INTERSERCO Cao Bằng.
8. Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế công trình Văn hóa và Xây dựng.
9. Trường trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế.
10. Công ty cổ phần Kinh doanh dịch vụ INTERSERCO Hà Nội.
11. Công ty cổ phần Đầu tư Công nghiệp Hóa chất Lào Cai.
12. Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ DIN-INTERSERCO Việt Nam.

13. Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tài chính, vàng Việt Nam.
14. Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng.
15. Công ty cổ phần INTERSERCO 19.

5.2. Bộ máy quản lý cấp Công ty:

- **Ban Tổng Giám đốc:** Gồm 3 thành viên, Tổng Giám đốc và 2 phó Tổng Giám đốc.
- **Văn phòng:** Tham mưu giúp Ban Tổng giám đốc sắp xếp tổ chức bộ máy Công ty theo yêu cầu từng thời kỳ. Thực hiện các công tác tổ chức nhân sự, quản lý lao động - tiền lương, chế độ chính sách, phúc lợi xã hội, khen thưởng xây dựng kế hoạch đào tạo và các công tác về quản trị hành chính, văn phòng. Quản lý Hồ sơ pháp lý của Công ty, hồ sơ pháp lý về tài sản, đất đai của Công ty.
- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Tham mưu và giúp Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác thực hiện các chế độ về thuế, tài chính của Công ty, thống kê kế toán - tài chính, quản lý đầu tư, cân đối sử dụng huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tổng hợp báo cáo đề xuất về các hoạt động tài chính của Công ty.
- **Phòng Thị trường – Đối ngoại:** Tham mưu và giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác xây dựng phát triển thị trường, phát triển thương hiệu, quảng cáo, xúc tiến thương mại và quản trị website của Công ty. Xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư. Sắp xếp, kết nối lịch làm việc và các công việc liên quan của HĐQT đến các thành viên khác trong Ban lãnh đạo Công ty. Phối hợp cập nhật tình hình hoạt động của các Công ty con/ công ty liên doanh liên kết thuộc trách nhiệm quản lý của Ban lãnh đạo Công ty. Biên dịch và phiên dịch tài liệu; thực hiện công tác hậu cần để Ban lãnh đạo Công ty đi công tác.
- **Phòng Dự án:** Tham mưu và giúp Ban Tổng Giám đốc lập kế hoạch phát triển dự án quản lý hệ thống tài sản là nhà đất, nhà xưởng, kho bãi trong toàn Công ty. Xây dựng kế hoạch quản lý các dự án của Công ty đang và dự kiến đầu tư. Trực tiếp liên hệ, giao dịch với các cơ quan quản lý để thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án, chịu trách nhiệm về công tác đấu thầu.

5.3. Các đơn vị trực thuộc:

- **Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đông:** Sáp nhập nguyên trạng Nhà máy Giày Hà Tây theo quyết định số 5117/QĐ-UB ngày 01/10/2009, hiện tại xí nghiệp chỉ duy trì hoạt động cho thuê nhà xưởng.
- **Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh:** hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu và xuất khẩu lao động khu vực phía Nam.

- **Trung tâm Mỹ thuật và Đầu tư phát triển văn hóa:** hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn thiết kế và thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng, công trình văn hóa; Thiết kế, trang trí nội ngoại thất, lắp đặt hệ thống thiết bị cho các công trình văn hóa; Thiết kế trưng tu, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa - nghệ thuật kiến trúc, các khu lễ hội, công viên, các công trình di tích Lịch sử văn hóa được xếp hạng...Kinh doanh các sản phẩm văn hóa, đại lý giới thiệu sản phẩm văn hóa.

5.4. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

- Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm ngày 30/08/2015 là: 68 người.
- Phân loại lao động của Công ty:

Bảng số 1: Phân loại lao động Công ty

TT	Nội dung	Tổng số
I	Phân theo tính chất hợp đồng	68
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	9
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	32
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	26
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng.	01
II	Phân theo trình độ lao động	68
1	Trên Đại học, Đại học	44
2	Cao đẳng	01
3	Trung cấp, Sơ cấp	04
4	Công nhân kỹ thuật	09
5	Lao động khác	10
III	Phân theo giới tính lao động	68
1	Lao động Nam	32
2	Lao động Nữ	36

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế)

6. Tình hình tài sản, sử dụng đất

Phương án CPH Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế (INTERSERCO)

6.1. Tình hình sử dụng đất

Tại thời điểm cổ phần hóa, Công ty đang quản lý và sử dụng 03 lô đất tại Hà Nội, toàn bộ các lô đất trên đã thực hiện kê khai, sắp xếp theo Nghị quyết 09. Tất cả các điểm này đều đang được sử dụng vào sản xuất kinh doanh và làm văn phòng của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 2: Bảng kê đất đai doanh nghiệp đang sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (31/12/2014)

T	Vị trí	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng	Mục đích, hiện trạng sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.	47,029 Trong đó	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng Công ty; Cảng ICD; cho thuê kho và cho thuê văn phòng làm việc;	- Quyết định số 679/QĐ-UBND 23/01/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao cho Công ty Dịch vụ Lao động Hợp tác Quốc tế 55.250m ² tại xã Mỹ Đình, Từ Liêm để thực hiện dự án xây dựng điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội
		3.975		Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình bằng giá trị tài sản trên đất diện tích 2.036 m ² . CTCP Interserco Mỹ Đình đang quản lý và sử dụng kho thông quan mới (TNT) là 2.036m ² và 1.939m ² hạ tầng xung quanh.	- Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 04/5/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc Thu hồi 3.000m ² đất tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm do Công ty Dịch vụ Lao động Hợp tác Quốc tế đang sử dụng giao

		3.554		Góp vốn thành lập Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam bằng giá trị tài sản trên đất diện tích 1.700m ² . Hiện CTCP Thương mại quốc tế Interserco đang quản lý và sử dụng Trung tâm thương mại trưng bày và giới thiệu sản phẩm diện tích 1.700m ² và 1.854m ² hạ tầng xung quanh.	cho Cục Hải quan tp.Hà Nội để xây dựng trụ sở làm việc Chi cục hải quan Bắc Hà Nội. - Quyết định số 3761/QĐ-UBND ngày 21/09/2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc Điều chỉnh tên sử dụng đất và nội dung trích yếu và Điều 1 Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 23/01/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. - Công văn số 7443/UBND-KT ngày 27/12/2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về
		-11.959,5		Góp vốn thành lập Công ty CP Bất động sản Quốc tế (IPC) (theo văn bản số 7443/UBND-KT của UBND TP HN ngày 27/12/2007).	việc góp vốn thành lập mới công ty TNHH nhà nước một thành viên Cung ứng Nhân lực và thương mại quốc tế Hà Nội. - Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 15/7/2008 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội
		6.993		Góp vốn thành lập Công ty CP Giao nhận Kho vận Hàng không ALS bằng giá trị tài sản trên đất 3.850m ² và 3.143m ² hạ tầng xung quanh.	về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội tại xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm.

		35.069,5		<p>Thực tế INTERSERCO đang quản lý và sử dụng;</p> <p><i>Các Công ty cổ phần được quyền khai thác giá trị tài sản và hạ tầng trên đất cho đến năm 2053.</i></p> <p><i>Công ty INTERSERCO thực hiện thủ tục thay đổi Quyền sử dụng đất theo theo văn bản số 7443/UBND-KT của UBND TP HN ngày 27/12/2007</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD692330. - Hợp đồng thuê đất tại 17 Phạm Hùng, Mỹ Đình số 38-2003/ĐCND-HĐTĐTN ngày 08/4/2003. - Phụ lục hợp đồng thuê đất tại 17 Phạm Hùng, Mỹ Đình số 38-2003/ĐCND- HĐTĐTN-PL1 ngày 15/10/2007. - Công văn số 5512/UBND-KH&ĐT ngày 04/07/2011 của UBND thành phố Hà Nội, trong đó đồng ý về nguyên tắc chuyển đổi mục đích sử dụng đất để liên danh: Công ty INTERSERCO và CTCP Bất động sản AZ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng đất lô đất có diện tích khoảng 38.000m2 tại 17 Phạm Hùng để đầu tư xây dựng tổ hợp công trình theo đúng chức năng phù hợp với định hướng quy hoạch của thành phố.
		Trong đó: 14.522			
		11.959,5			

2	số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.	2.716,1	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	<p>Văn phòng Công ty và kinh doanh dịch vụ;</p> <p>Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế bằng tài sản bằng diện tích đất 358 đường Láng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 6410/QĐ-UBND ngày 30/9/2004 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc cho Công ty Dịch vụ lao động hợp tác quốc tế thuê 4.313m² đất đã xây dựng công trình tại 358 đường Láng phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội để sử dụng làm văn phòng làm việc và kinh doanh dịch vụ. - Quyết định số 4389/QĐ-UBND ngày 03/10/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội tại 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa. - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất AB180813 ngày 03/10/2006. - Hợp đồng thuê đất tại 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa số 22-08/HĐTĐTN ngày 31/01/2008. - Biên bản bàn giao mặt bằng ngày 29/3/2007 giao 624,7m² đất để xây dựng đường Cát Linh-La Thành-Yên Lãng. - Quyết định số 5912/QĐ-UBND ngày 12/11/2009 của UBND TP Hà Nội về việc thu hồi 47.325m² đất tại các phường: Ô Chợ Dừa, Trung <p>Đội, Láng Hạ, Thịnh Quang, Ngã Tư Sở thuộc quận Đống Đa; Giao cho Cục Đường Sắt</p>
---	--	---------	---	--	--

3	Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.	21.081	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.	Văn phòng làm việc; Hệ thống kho hàng; làm nhà ở, nhà ăn, nhà để xe của công nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1025-QĐ/UB ngày 08/9/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây về việc Thu hồi 21.081m² đất của Xí nghiệp tơ tằm Đan Hoài và UBND xã Sơn Đồng trên địa bàn xã Sơn Đồng huyện Hoài Đức để giao Công ty giấy Hà Tây thuê xây dựng Nhà máy sản xuất giấy. - Hợp đồng thuê đất tại Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức số 15/Đ-TĐ ngày 11/9/1997. - Quyết định số 5117/QĐ-UBND ngày 01/10/2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Công ty Giấy Hà Tây vào Công ty TNHH nhà nước một thành viên Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế Hà Nội. - Hiện tại chưa hoàn tất thủ tục để INTERSERCO ký hợp đồng thuê đất.
---	---	--------	--	---	--

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế)

6.2. Tình hình tài sản doanh nghiệp đang sử dụng

Bảng số 3: Tình hình tài sản cố định Công ty đang sử dụng tại thời điểm 31/12/2014

(Đơn vị: đồng)

TT	Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
<i>I</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>50.358.719.964</i>	<i>30.375.167.212</i>	<i>19.983.552.752</i>

1	Nhà cửa, vật kiến trúc	39.476.886.478	22.902.453.134	16.574.433.344
2	Máy móc, thiết bị	2.894.421.908	1.980.994.673	913.427.235
3	Phương tiện vận tải	7.936.451.578	5.477.044.015	2.459.407.563
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	50.960.000	14.675.390	36.284.610
II	Tài sản cố định vô hình	536.512.500	140.962.832	395.549.668
1	Phần mềm máy tính	50.000.000	14.731.182	35.268.818
2	Quyền sử dụng đất	486.512.500	126.231.650	360.280.850
	Tổng cộng	50.895.232.464	30.516.130.044	20.379.102.420

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế)

7. Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội:

- Đảng bộ Công ty trực thuộc Đảng ủy khối doanh nghiệp Hà Nội là đảng bộ có truyền thống phát triển vững mạnh. Tổng số đến 30/8/2015 là 48 đảng viên, sinh hoạt tại 04 Chi bộ trực thuộc.
- Công đoàn Công ty trực thuộc Liên đoàn Lao động Quận Đống Đa là một tổ chức công đoàn phát triển mạnh mẽ, cùng với chuyên môn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đến thời điểm 30/8/2015 có 100 đoàn viên công đoàn sinh hoạt trong 04 tổ chức công đoàn sơ sở trực thuộc.
- Đoàn thanh niên Cộng sản HCM Công ty trực thuộc Đoàn thanh niên Cộng sản HCM khối Doanh nghiệp Hà Nội, đây cũng là một tổ chức phát triển mạnh, đến 30/8/2015 có 35 Đoàn viên sinh hoạt tại 03 chi đoàn trực thuộc.

Cùng với các tổ chức công đoàn, các tổ chức xã hội khác trong doanh nghiệp luôn được Công ty quan tâm và tạo điều kiện tốt để hoạt động, phát triển. Tổ chức Đảng luôn đạt trong sạch vững mạnh; tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên luôn đạt vững mạnh và xuất sắc. Các tổ chức này đều phát huy tốt vai trò và sức ảnh hưởng của mình đến mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp, qua đó đã góp phần quan trọng trong việc ổn định và thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

8. Tình hình hoạt động kinh doanh 03 năm trước khi cổ phần hoá

8.1 Đánh giá chung

Nhìn chung, trong 3 năm 2012, 2013, 2014 là những thời điểm tình hình kinh tế thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp, kinh tế phục hồi chậm. Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp. Nhiều doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, phải đối diện với nguy cơ phá sản. Hoạt động dịch vụ xuất nhập khẩu và giao nhận vận

tại các cửa khẩu biên giới với Trung Quốc đóng cửa dài hạn do Trung Quốc gây căng thẳng trên biên Đông, hạ đặt trái phép giàn khoan trong vùng biển của Việt Nam. Tình hình trên đã có những tác động bất lợi đến sự phát triển của nền kinh tế cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ và đầu tư của INTERSERCO.

Doanh thu các năm của Công ty có sự thay đổi thiếu ổn định. Ví dụ 2013 so với 2012 chỉ đạt 73%, 2014 so với 2013 lấy lại mức tăng trưởng 103%. Tuy Công ty đã nỗ lực để đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ, đầu tư, kinh doanh nhưng doanh thu và lợi nhuận cũng không được cải thiện nhiều qua các năm.

Cơ cấu doanh thu thực hiện 2012-2014

Tiêu chí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị (Tr.đồng)	% 2012/ 2011	Giá trị (Tr.đồng)	% 2013/ 2012	Giá trị (Tr.đồng)	% 2014/ 2013
Tổng doanh thu	254.090	62	184.974	73	191.775	104
- Doanh thu bán hàng	178.959	56	134.979	75	129.356	96
- Doanh thu logistic	34.265	81	28.994	85	27.958	96
- Doanh thu khác	3.882	72	3.407	88	50	1
- Doanh thu XKLD	3.086	77				
- Doanh thu hoạt động tài chính	6.855	74	8.024	117	4331	54
- Thu nhập khác	27.043	102	9.568	35	30.079	314

(Nguồn số sách kế toán: Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế)

8.2 Thực trạng về tài chính của Công ty trong 3 năm 2012 đến 2014

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
	TỔNG TÀI SẢN	541.763.422.540	524.968.981.668	523.466.443.302

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Tài sản ngắn hạn	316.128.993.810	318.591.584.449	315.855.828.266
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	20.199.700.211	36.015.190.518	45.217.915.400
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	38.678.380.529	12.142.590.027	12.757.051.900
3	Các khoản phải thu	185.538.771.060	203.756.804.308	161.942.347.051
4	Hàng tồn kho	48.088.003.692	45.575.371.294	66.802.424.147
5	Tài sản ngắn hạn khác	23.624.138.318	21.101.628.302	29.136.089.768
II	Tài sản dài hạn	225.634.428.730	206.377.397.219	207.610.615.036
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Tài sản cố định	42.478.241.210	38.837.650.922	25.349.352.006
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	181.756.079.987	166.676.339.212	181.726.672.296
4	Tài sản dài hạn khác	1.400.107.533	863.407.085	534.590.734
	TỔNG NGUỒN VỐN	541.763.422.540	524.968.981.668	523.466.443.302
III	Nợ phải trả	200.634.710.255	170.726.835.329	193.601.864.975
1	Nợ ngắn hạn	185.510.182.946	157.879.323.020	183.651.911.058
2	Nợ dài hạn	15.124.527.309	12.847.512.309	9.949.953.917
IV	Nguồn vốn chủ sở hữu	341.128.712.285	354.242.146.339	329.864.578.327
1	Vốn của chủ sở hữu	341.128.712.285	354.242.146.339	329.864.578.327
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, 2013, 2014 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế)

8.3 Kết quả kinh doanh của Công ty trong 03 năm gần đây

Bảng số 4: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2012 – 2014 và ước thực hiện năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Giá trị	% 2011	Giá trị	% 2012	Giá trị	% 2013	Giá trị (kế hoạch)	% 2014

1	Tổng doanh thu	254.090.117.780	62	184.973.642.147	73	191.775.256.786	104	180.000.000.000	94
	- Doanh thu bán hàng	178.958.831.300	56	134.979.479.466	75	129.356.365.745	96	140.500.000.000	109
	- Doanh thu logistic	34.265.214.488	81	28.994.828.941	85	27.958.251.612	96	28.000.000.000	100
	- Doanh thu khác	3.881.691.206	72	3.407.128.979	88	50.391.818	3	500.000.000	574
	- Doanh thu XKLD	3.086.070.549	77						
	- Doanh thu hoạt động tài chính	6.855.036.092	74	8.024.089.170	117	4.331.387.410	54	10.000.000.000	272
	- Thu nhập khác	27.043.274.145	102	9.568.115.591	35	30.078.860.201	314	1.000.000.000	3.3
2	Tổng chi phí	232.771.158.296	67	181.244.385.197	78	212.037.765.788	117	173.590.000.000	93
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.318.959.484	85	3.729.256.950	17	20.274.137.883	-	6.410.260.000	154
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần/vốn chủ sở hữu	1,1%	15	1,1%	100	-	-	-	-
5	Nộp ngân sách NN	20.088.362.096	79	22.511.634.657	112	24.486.662.430	109	20.000.000.000	105
6	Nợ phải thu	185.538.771.060	127	203.756.804.308	109	161.942.347.051	79		
7	Nợ phải trả	200.634.710.255	123	170.726.835.329	85	193.601.864.975	113		
8	Thu nhập BQ người lao động (đồng/tháng)	5.600.000	86,15	4.870.000	86,96	8.080.000	165,91	8.460.000	104,7
9	Số lao động	123	96,09	106	86,17	69	65,09	67	97

- (Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế)

Đối với khoản thu từ mảng hoạt động cung ứng lao động quốc tế theo hợp đồng, là mảng hoạt động truyền thống của Công ty từ những ngày đầu thành lập, kể từ năm 2013, Công ty thực hiện chuyển giao toàn bộ lĩnh vực này cho Công ty cổ phần cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế - Công ty con của INTERSERCO, Công ty con kế thừa và phát triển hoạt động cung ứng nhân lực, do vậy doanh thu từ xuất khẩu lao động không thể hiện trên Báo cáo tài chính của INTERSERCO năm 2013, 2014 mà được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với hoạt động kinh doanh logistic và bán hàng, do chịu ảnh hưởng của tình hình biến động kinh tế thế giới nên doanh thu có phần bị sụt giảm, mặc dù Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBVNV trong Công ty đã nỗ lực hết sức nhưng kết quả vẫn chưa đạt được như mong muốn.

Tuy phải đối diện với nhiều khó khăn nhưng về cơ bản Công ty vẫn bảo toàn được vốn Nhà nước, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu có sự tăng trưởng, Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, mức thu nhập bình quân của người lao động được ổn định, đảm bảo đời sống.

9. Những yếu tố ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

9.1 Theo hướng tích cực:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty và bộ phận quản lý năng động, đoàn kết nhất trí cao trong việc định hướng và tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh.
- Công ty bảo đảm việc làm cũng như thu nhập ổn định cùng với việc đảm bảo các chế độ cho người lao động đã có tác dụng tích cực đối với sự phát triển bền vững của Công ty.
- Việc duy trì hệ thống quản lý gọn nhẹ, khoa học và hiệu quả cùng với các quy định, chế độ thưởng phạt nghiêm minh, đúng lúc, đúng chỗ thúc đẩy CB-CNV nỗ lực thực hiện nhiệm vụ, gắn bó với công việc.
- Hoạt động thường xuyên, liên tục của tổ chức Đảng, Công đoàn Công ty đã gắn kết các hoạt động sản xuất kinh doanh với quyền lợi người lao động, góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm của tập thể CB-CNV Công ty tạo hiệu quả trong công việc.
- Công ty nhận được sự ủng hộ tạo điều kiện của các cơ quan chức năng của thành phố Hà Nội.

9.2 Theo hướng tiêu cực:

- Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực logistic.
- Xuất khẩu lao động gặp khó khăn do tình trạng suy thoái kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, số lượng Công ty tiếp nhận lao động nước ngoài giảm sút.
- Nguồn nhân lực còn chưa bắt kịp được với sự phát triển của Công ty đòi hỏi BLĐ Công ty phải chú trọng hơn nữa việc xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Vị trí của Công ty tại 17 Phạm Hùng, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội ngày càng trở thành trung tâm do tốc độ đô thị hóa nhanh của Hà Nội, nhất là khu vực Mỹ Đình. Như vậy, cảng ICD nội địa sẽ bị ảnh hưởng, không thuận tiện cho xe vận tải, nhất là xe container ra vào và quy mô của cảng không còn phù hợp, đặt

ra yêu cầu cần phải có kế hoạch tích lũy tài chính và đầu tư rất lớn khi di dời cơ sở cho phù hợp quy hoạch và định hướng phát triển của Công ty.

9.3. Cơ hội:

- Cổ phần hóa Doanh nghiệp, xã hội hóa vốn đầu tư là cơ hội và động lực phát triển để mở rộng các mặt hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp và việc làm cho người lao động.
- Cổ phần hóa doanh nghiệp tạo cơ hội thu hút các nguồn lực xã hội.
- Lợi thế về thương hiệu, về hạ tầng cơ sở, về kinh nghiệm, về con người, về thị trường, khách hàng truyền thống đã được gây dựng suốt 35 năm qua là cơ sở tiềm lực vững vàng cho Công ty cổ phần phát triển mạnh mẽ.

II. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Dịch vụ quốc tế, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014 là: **527.616.726.198 đồng**.

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả: **169.723.655.356 đồng**
- Nguồn kinh phí sự nghiệp: **0 đồng**
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **357.893.070.842 đồng**

Bảng 5: Bảng kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU THEO BÁO CÁO ĐƠN VỊ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5 = 4 - 3
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	498,991,943,302	527,616,726,198	28,624,782,896
I.	TSCĐ và đầu tư dài hạn	183,136,115,036	211,822,091,437	28,685,976,401
1	Tài sản cố định	20,379,102,420	46,466,551,379	26,087,448,959
1.1	Tài sản cố định hữu hình	19,983,552,752	46,071,001,711	26,087,448,959
1.2	Tài sản cố định vô hình	395,549,668	395,549,668	-

2	Các khoản đầu tư dài hạn	158,252,172,296	160,655,399,519	2,403,227,223
3	Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang	3,970,249,586	3,970,249,586	-
4	Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn (không bao gồm lợi thế kinh doanh)	531,590,734	726,890,953	195,300,219
	+ Công cụ dụng cụ đang phân bổ giá trị	381,944,668	381,944,668	-
	+ CCDC đã phân bổ hết giá trị, còn sử dụng	-	195,300,219	195,300,219
	+ Chi phí trả trước dài hạn khác	149.646.066	149.646.066	-
6	Tài sản dài hạn khác	3.000.000	3.000.000	-
II.	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	315,855,828,266	315,719,952,333	(135,875,933)
1	Tiền	27,960,378,137	27,964,682,987	4,304,850
	+ Tiền mặt	13,910,969,912	13,910,970,200	288
	+ Tiền gửi ngân hàng	14,049,408,225	14,053,712,787	4,304,562
2	Các khoản tương đương tiền	17,257,537,263	17,149,374,962	(108,162,301)
3	Đầu tư ngắn hạn	12,757,051,900	12,757,051,900	-
4	Các khoản phải thu	161,942,347,051	161,910,328,569	(32,018,482)
5	Vật tư, hàng hoá tồn kho	66,802,424,147	66,802,424,147	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	29,136,089,768	29,136,089,768	-
7	Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III.	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	74.682.428	74.682.428
IV.	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
1	Tài sản cố định hữu hình	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ BÀN GIAO	24.474.500.000	24.474.500.000	-
1	Khoản đầu tư vào Công ty con thực hiện thoái vốn theo đề án tái cơ cấu Công ty được UBND TP Hà Nội phê duyệt	23.474.500.000	23.474.500.000	-
2	Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang	1.000.000.000	1.000.000.000	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG (không sử dụng cho SXKD)	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	523,466,443,302	552,091,226,198	28,624,782,896

	Trong đó: Tổng giá trị thực tế DN (Mục A)	498,991,943,302	527,616,726,198	28,624,782,896
E1	Nợ thực tế phải trả	169,901,505,882	169,723,655,356	(177,850,526)
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-(E1+E2))	329,090,437,420	357,893,070,842	28,802,633,422

2. Quyền sử dụng đất

Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 18/04/2015 của UBND TP HN về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước của Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Hình thức sử dụng đất hiện tại của Công ty đối với các lô đất là thuê đất trả tiền hàng năm thông qua hợp đồng thuê đất. Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần của Công ty là lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, do vậy theo quy định không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp.

PHẦN HAI:
PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HOÁ

1. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
- Tên tiếng Anh: International Investment Trade and Service Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Công ty INTERSERCO
- Biểu tượng (Logo): 
- Trụ sở chính: số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 043 5620 136
- Fax: 043 5620 136
- Email: contact@interserco.com.vn
info@interserco.com.vn
- Website: <http://www.interserco.com.vn>
<http://www.interserco.vn>

Giữ nguyên biểu tượng đang sử dụng theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 115461 theo Quyết định số 25801/QĐ-SHTT ngày 05.12.2008 của Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Ngành nghề kinh doanh

Tiếp tục các ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế, mã số doanh nghiệp 0100110052 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 15/05/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistic	5229 (chính)
2	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh Kinh doanh bán hàng miễn thuế Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
4	Sản xuất giày dép	1520
5	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
6	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
7	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
8	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
9	Dịch vụ liên quan đến in	1812
10	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
11	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
12	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
13	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
14	In ấn	1811
15	Xây dựng nhà các loại	4100
16	Phá dỡ	4311
17	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

20	Xây dựng công trình công ích	4220
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
22	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
23	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
24	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
25	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
26	Bán mô tô, xe máy	4541
27	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
28	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
29	Bán buôn tổng hợp	4690
30	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	
31	(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510
	Dịch vụ ăn uống khác	
32	(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5629
	Dịch vụ phục vụ đồ uống	
33	(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5630
34	Công thông tin (Trừ hoạt động báo trí)	6312
35	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
36	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
39	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

40	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
	Đại lý, môi giới, đấu giá	
41	Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố người nước ngoài)	4610
42	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
43	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44	Bán buôn thiết bị và kinh kiện điện tử, viễn thông	4652
45	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
46	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
47	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất khác (trừ hoá chất Nhà nước cấm)	4669
48	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm	6622
50	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
51	Đại lý du lịch	7911
52	Giáo dục nghề nghiệp	8532
53	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) (Không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền)	9610
54	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	1710
55	Quảng cáo	7310
56	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
57	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
58	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	
59	Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm)	0899
	Vận tải hành khách đường bộ khác	
60	Chi tiết: Kinh doanh vận tải đa phương thức	4932

3. Mô hình tổ chức:

3.1. Sơ đồ tổ chức:



3.2. Nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn:

Do mô hình tổ chức hiện nay còn có sự đan xen nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận Văn phòng kiêm nhiệm nhiều công việc; các khoản đầu tư và dự án Công ty thực

hiện chưa có sự phân công cụ thể giữa Phòng Thị trường - Đối ngoại, Phòng Dự án, Phòng Tài chính – Kế toán. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty cũng như phân công phân nhiệm rõ ràng giữa các bộ phận, phòng ban sau cổ phần hóa, Công ty dự kiến tách Văn phòng thành Phòng Hành chính – Quản trị và Phòng Nhân sự; thành lập mới Phòng Đầu tư – Kinh doanh để quản lý các khoản đầu tư hiện tại của Công ty cũng như nghiên cứu, tìm kiếm, đánh giá và kiến nghị các cơ hội đầu tư mới, xây dựng và theo dõi các phương án kinh doanh trong từng thời kỳ cụ thể trên cơ sở sắp xếp, điều chuyển nhân sự đang phụ trách các mảng hoạt động của các phòng ban.

3.2.1. Phòng Hành chính – Quản trị:

Chủ trì đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác quản trị cơ sở vật chất;

Là đầu mối tiếp nhận, nghiên cứu, đề xuất giải quyết, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện và quản lý hồ sơ liên quan đến công tác đảm bảo hậu cần, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ;

Chủ trì đề xuất, tham mưu, triển khai thực thực hiện và đảm bảo hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 của Công ty, hệ thống thiết bị tin học (phần cứng và phần mềm); Là đầu mối quan hệ với chính quyền, cơ quan chức năng tại địa phương nơi có Trụ sở hoặc tài sản của Công ty;

Chịu trách nhiệm cập nhật chủ trương, chính sách của Nhà nước, các văn bản pháp quy trong công tác tư vấn thiết kế, thông tin quảng bá thương hiệu INTERSERCO.

3.2.2. Phòng Nhân sự:

Chủ trì đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác tổ chức, quản lý nhân sự, thực hiện chế độ chính sách, công tác tiền lương, đào tạo, chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với người lao động, công tác quốc phòng toàn dân, công tác cổ động;

Là đầu mối tiếp nhận, nghiên cứu, đề xuất hướng giải quyết, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện và quản lý hồ sơ, thông tin liên quan đến các mặt thuộc phạm vi công việc của đơn vị;

Chủ trì soạn thảo các quy chế, quy định, quy trình v.v... và hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện;

Chịu trách nhiệm quản lý và lưu trữ các hồ sơ pháp lý và con dấu của Công ty.

3.2.3. Phòng Tài chính – Kế toán

Tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc về mặt quản lý tài chính, hạch toán kế toán trong toàn Công ty;

Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành nhằm phản ánh kịp thời, đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tình hình tài sản của Công ty;

- Tổ chức và triển khai các quy định của Nhà nước về kế toán thống kê, quản lý các đối tượng tài chính theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty;
- Tổ chức hạch toán nội bộ và phân tích hoạt động kinh tế hàng năm của Công ty;
- Tổ chức lưu trữ toàn bộ chứng từ, sổ sách và biểu kế toán theo quy định hiện hành;
- Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp sử dụng nguồn tiền, vốn một cách hiệu quả để tư vấn cho Ban Tổng giám đốc.

3.2.4. Phòng Đối ngoại:

- Thực hiện các công việc trong lĩnh vực truyền thông, nâng cao thương hiệu, quảng bá hình ảnh Công ty trên website của Công ty và trên các cơ quan báo chí, truyền thông;
- Giúp việc HĐQT Công ty, ban lãnh đạo Công ty;
- Các thư ký của ban lãnh đạo Công ty để kết nối lịch làm việc và các công việc liên quan của HĐQT đến các thành viên khác trong ban lãnh đạo Công ty;
- Phối hợp cập nhật tình hình hoạt động của các Công ty con/công ty thành viên thuộc trách nhiệm quản lý của Ban lãnh đạo Công ty;
- Biên dịch và phiên dịch khi có nhu cầu của phòng và Ban lãnh đạo Công ty;
- Thực hiện công tác hậu cần để ban lãnh đạo công ty đi công tác;
- Tham gia các buổi họp với đối tác cùng ban lãnh đạo, sau đó thực hiện triển khai các công việc có liên quan;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của ban lãnh đạo Công ty.

3.2.5. Ban dự án

- Thực hiện các dự án của Công ty;
- Chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo Công ty về toàn bộ hoạt động của Ban dự án theo chức năng, nhiệm vụ được Ban lãnh đạo Công ty giao;
- Giám sát tiến độ, nghiệm thu các công trình, giám sát công tác thẩm tra, thẩm định, kiểm tra tổng mức đầu tư, lập dự toán và đơn giá, định mức công trình theo quy định;
- Xây dựng kế hoạch quản lý các dự án đã được hoạch định trong từng giai đoạn;
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch;

- Theo dõi tiến độ, đôn đốc và kiểm soát các phòng chuyên môn hoàn thành công việc cấp trên giao;
- Trực tiếp liên hệ, giao dịch với các cơ quan quản lý để thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án;
- Chịu trách nhiệm về công tác đấu thầu: Xây dựng kế hoạch chi tiết hàng năm về quản lý dự án theo chức năng của Ban dự án trình Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt và lập kế hoạch tổ chức thực hiện dự án;
- Hoàn thiện và kiểm soát các thủ tục, quy trình đầu tư theo quy định của Luật Xây dựng;
- Chủ trì công tác lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định để lựa chọn tư vấn khảo sát, quy hoạch, thiết kế, lập dự án đầu tư...
- Phối hợp tổ chức thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng (nếu có); tổ chức, thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; xin giấy phép đầu tư xây dựng và các việc khác phục vụ cho việc thi công dự án của Công ty;
- Giám sát tiến độ, nghiệm thu các công trình, giám sát công tác thẩm tra, thẩm định, kiểm tra tổng mức đầu tư, lập dự toán và đơn giá, định mức công trình theo quy định;
- Thực hiện công tác giám sát thi công các dự án xây dựng, cải tạo, sửa chữa theo dõi vật tư các dự án có quy mô nhỏ, đơn giản;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của ban lãnh đạo Công ty.

3.2.6. Phòng Đầu tư - Kinh doanh

- Quản lý các danh mục đầu tư hiện có của Công ty;
- Tìm kiếm, nghiên cứu, phân tích, đánh giá cơ hội đầu tư, dự án đầu tư trình Ban lãnh đạo Công ty xem xét ra quyết định;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch tạo nguồn cũng như sử dụng nguồn vốn của công ty hàng tháng, quý, năm;
- Xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn;
- Chủ trì lập kế hoạch SXKD của Công ty trong từng tháng, quý, năm và kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn theo yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty;
- Thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện các công việc sản xuất kinh doanh của Công ty và các công tác khác được phân công theo quy định;
- Tổng hợp các số liệu và lấy ý kiến của các phòng nghiệp vụ, các đơn vị thành viên để lập kế hoạch của Công ty;

- Phân tích đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm. Trên cơ sở đó dự thảo báo cáo tổng kết kế hoạch quý, năm, rút ra những mặt mạnh, yếu, tìm nguyên nhân để phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm;
- Những công việc khác theo sự điều hành của Ban lãnh đạo Công ty.

4. Vốn điều lệ

4.1 Vốn điều lệ

Trên cơ sở dự thảo kết quả xác định giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2014 là: 357.893.070.842 đồng.

- Vốn điều lệ dự kiến của Công ty cổ phần dự kiến: **360.000.000.000 đồng**.

(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn)

- Tổng số cổ phần là: 36.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng Việt Nam.

4.2. Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Nhà nước

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/ 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế tiến hành cổ phần hóa theo hình thức bán bớt phần vốn Nhà nước kết hợp phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Căn cứ theo Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 16/01/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế giai đoạn 2014-2015, hướng tới mục tiêu 2020, Công ty đề xuất tỷ lệ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa là **45%**.

II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

1. Phương án cổ phần hóa

1.1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ theo quy định tại Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/ 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế tiến hành cổ phần hóa theo hình thức kết hợp vừa bán một phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

1.2. Vốn điều lệ Công ty cổ phần

Căn cứ

- Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế, giá trị thực tế

của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014 là: 257.616.726.198 đồng trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là: 357.893.070.842 đồng

- Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa;
- Năng lực điều hành quản lý sản xuất kinh doanh của bộ máy quản lý Công ty;
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác;

Công ty đã xác định nhu cầu vốn điều lệ của Công ty cổ phần như sau:

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là: **360.000.000.000** đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

- Số lượng cổ phần: 36.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

1.3. Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng số 6: Cơ cấu vốn điều lệ

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phần (CP)	Giá trị vốn góp (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	16.200.000	162.000.000.000	45,00
2	Người lao động mua theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP	89.200	892.000.000	0,25
3	Người lao động mua theo thời gian đã làm việc thực tế	84.100	841.000.000	0,23
4	Nhà đầu tư chiến lược	9.720.000	97.200.000.000	27,00
5	Đấu giá công khai	9.906.700	99.067.000.000	27,52
Tổng cộng		36.000.000	360.000.000.000	100

2. Tổ chức bán cổ phần

2.1. Đối tượng mua cổ phần

Theo quy định tại Điều 6 và Điều 48, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, đối tượng mua cổ phần của Công ty gồm:

- + CB-CNV Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;
- + Các nhà đầu tư trong nước.

2.2. Cổ phần bán cho người lao động

2.2.1. Cổ phần ưu đãi cho người lao động theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ - CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần:

“Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước”

Phương án mua cổ phần ưu đãi đối với lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước của Công ty như sau:

- Số lao động : 65 người
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 84.100 cổ phần
- Giá bán (60% giá đấu thành công thấp nhất)

2.2.2. Cổ phần ưu đãi cho người lao động thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần

Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ - CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, Phương án mua thêm cổ phần ưu đãi đối với lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp của công ty như sau.

“Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm”.

- Lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

- Số lao động : 48 người
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 89.200 cổ phần
- Giá bán (giá đấu thành công thấp nhất)

- Đối tượng lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động.

- Số lao động : 0 người

▪ Tổng số cổ phần được mua ưu đãi : 0 cổ phần

3. Cổ phần ưu đãi cho nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ các yêu cầu trên và trên cơ sở hồ sơ năng lực, tư cách pháp nhân của Nhà đầu tư chiến lược (có Hồ sơ năng lực, tư cách pháp nhân của Nhà đầu tư chiến lược đính kèm), Công ty đề xuất như sau:

- Tổng số Nhà đầu tư chiến lược tối đa : 01 Nhà đầu tư
- Tổng số cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược : **9.720.000** cổ phần chiếm **27%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần
- Hình thức bán cho Nhà đầu tư chiến lược : Ban chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với Nhà đầu tư sau khi thực hiện đấu giá công khai và giá bán cho Nhà đầu tư chiến lược không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược:

- Nhà đầu tư chiến lược phải là nhà đầu tư trong nước hoạt động trong lĩnh vực cùng ngành nghề: Vận chuyển, giao nhận hàng hóa; Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa hoặc các lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa; có uy tín, có năng lực về tài chính để có thể đáp ứng việc mua cổ phần và hỗ trợ công ty có đủ nguồn tài chính để thực hiện các dự án hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần sau này.
- Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp, không chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

4. Cổ phần bán đấu giá công khai

- Khối lượng cổ phần bán đấu giá công khai: **9.877.600** cổ phần tương đương với 98.776.000.000 đồng vốn cổ phần chiếm **27,52%** vốn điều lệ Công ty.
- Giá khởi điểm: Căn cứ giá trị doanh nghiệp, căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2012-2014 có sự trôi sụt, trong vòng 03 năm sau cổ phần hóa lợi nhuận của Công ty chưa cao và khả năng chi trả cổ tức cho cổ đông thấp, để thu hút các nhà đầu tư hỗ trợ Công ty về tài chính, về khả năng phát triển thị trường và kinh nghiệm quản lý đồng thời thu hút các nhà đầu tư khác tham gia đợt đấu giá bán cổ phần của Công ty, Công ty đề xuất mức giá khởi điểm là 10.000 đồng/01 cổ phần.
- Thời gian bán cổ phần: Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty triển khai theo kế hoạch bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài. Từ kết quả
-

bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài thành công, Công ty tiến hành bán cho Nhà đầu tư chiến lược và người lao động.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Định hướng:

- Sau khi cổ phần hóa, trong năm đầu tiên, Công ty vẫn giữ bộ máy quản lý hiện có để ổn định tình hình hoạt động kinh doanh. Từ năm thứ 2 trở đi, Công ty sẽ tiến hành rà soát lại bộ máy nhân sự của Công ty Cổ phần nhằm tổ chức kiện toàn hệ thống quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh cho phù hợp với mô hình mới.
- Xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng ban, bộ phận nghiệp vụ.
- Tiến hành bố trí sắp xếp lại CBCNV trong các phòng ban trên cơ sở xác định mức độ phức tạp của công việc, cải tiến mối quan hệ giữa các phòng ban để đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng các công việc của Công ty để ra định nhanh chóng và chính xác.
- Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CB-CNV đồng thời tuyển dụng thêm cán bộ, công nhân có trình độ, có năng lực, nhiệt tình công tác để bổ sung khi cần thiết.
- Nâng cao chất lượng lao động, xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra như: nghiên cứu định hướng chiến lược; mở rộng thị trường; nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm; thực hiện các giải pháp đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ phục vụ phát triển trong tương lai.

2. Kế hoạch sắp xếp lao động:

- Tổng số lao động dự kiến: 68 người.

Bảng số 7: Kế hoạch sắp xếp lao động

STT	Nội dung	Tổng số (người)
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	68
1,	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	9
2,	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	32
3,	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	26
4,	Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc một số công việc nhất định dưới 12 tháng	1

II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	2
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành	1
a,	Theo Nghị định 152/2006/NĐ-CP	
b,	Theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP	
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	
a,	Hết hạn HĐLĐ	
b,	Đơn phương chấm dứt HĐLĐ	1
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, chia ra:	
a,	Số lao động thực hiện theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP	
b,	Số lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động	
III	Số lao động dự kiến sẽ làm việc tại Công ty cổ phần	70
1	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	66
A	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	66
B	Số lao động nghỉ theo chế độ BHXH, chia ra:	
	<i>Ôm đau</i>	
	<i>Thai sản</i>	
	<i>Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp</i>	
C	Số lao động đang tạm hoãn HĐLĐ, chia ra:	
	<i>Nghĩa vụ quân sự</i>	
	<i>Nghĩa vụ công dân khác</i>	
	<i>Bị tạm giam, tạm giữ</i>	
	<i>Do hai bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)</i>	
2	Số lao động dự kiến sẽ tuyển mới	04

- Tổng Giám đốc của Công ty đã đến tuổi hưu theo chế độ và sẽ chính thức nghỉ sau khi hoàn tất cổ phần hóa Công ty.

3. Về chính sách tiền lương:

- Tiền lương phải trở thành động lực mạnh mẽ nhất kích thích người lao động thực hiện đúng nội quy và kỷ luật lao động, tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật và luôn gắn bó, cống hiến cho Công ty.

- Đảm bảo tiền lương cao hơn so với tiền lương bình quân của xã hội cho người lao động trực tiếp. Bên cạnh đó có mức lương phù hợp cho cán bộ, cho người lao động có nghiệp vụ cao mà Công ty tuyển chọn, cụ thể là: thực hiện quy chế trả lương cao và thưởng hợp lý cho một số lao động có trình độ và năng lực đặc biệt trong quản lý kỹ thuật và kinh tế, có đóng góp mang tính quyết định đến sự phát triển, đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh của Công ty.
- Chú trọng đến điều kiện sinh hoạt và làm việc của cán bộ quản lý, nhân sự có nghiệp vụ chuyên môn cao, tạo điều kiện để họ và gia đình gắn bó lâu dài với Công ty, thu hút lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty.

IV. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Phương án sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa

1.1. Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa:

- Sau khi cổ phần hoá Công ty sẽ chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, mở rộng lĩnh vực hoạt động và đối tượng khách hàng, phát huy hết tiềm năng và thế mạnh của Công ty.
- Người lao động có cơ hội làm chủ doanh nghiệp, quyền lợi và trách nhiệm của cổ đông và người lao động trong toàn Công ty gắn liền với lợi ích và sự phát triển của doanh nghiệp.
- Đây thực sự là cơ hội để phát huy nội lực và tính tự chủ của doanh nghiệp trong điều hành sản xuất kinh doanh, phát huy quyền làm chủ của người lao động tham gia vào quá trình điều hành, kiểm soát hoạt động của doanh nghiệp;

1.2. Mục tiêu phát triển

INTERSERCO sẽ phát triển hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa với các mục tiêu cụ thể:

- Trở thành một công ty hoạt động hiệu quả sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, phát triển bền vững.
- Thực hiện cải tiến công tác quản lý để phù hợp theo mô hình mới - Công ty cổ phần nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Thực hiện chiến lược kinh doanh đa dạng, hiệu quả, đồng đều. Chú trọng sự sáng tạo, đột phá trong kinh doanh và tính thích ứng với sự thay đổi của môi trường cũng như sự cạnh tranh.
- Mục tiêu lợi nhuận: đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm. Đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho cán bộ, người lao động của Công ty.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước.

1.3. Ngành nghề kinh doanh sau khi cổ phần hóa:

- Trong thời gian khoảng 3-5 năm sau khi cổ phần hóa, từ điều kiện thực tế về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ngành nghề chính và nhân lực cũng như những thế mạnh hiện có như:
- INTERSERCO có bề dày kinh nghiệm 35 năm cung ứng nhân lực đi làm việc ở nước ngoài, là doanh nghiệp có uy tín với người lao động và các đối tác tiếp nhận lao động. Công ty có lợi thế về cơ sở hạ tầng, có cảng ICD Mỹ Đình với trang thiết bị hiện đại; Công ty có lượng khách hàng ổn định luôn đặt niềm tin vào Interserco, đặc biệt sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho áp dụng cơ chế đặc thù tại ICD Mỹ Đình.

- Thương hiệu INTERSERCO đã có uy tín trên thị trường.
- Công ty có đội ngũ cán bộ, công nhân viên có năng lực chuyên môn, có bề dày kinh nghiệm, đầy nhiệt huyết trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh.
- Công ty xác định tập trung vào 03 lĩnh vực kinh doanh chủ yếu như sau:

+ Kinh doanh dịch vụ logistic và hạ tầng phục vụ cho các hoạt động logistic:

Trên cơ sở diện tích đất Công ty quản lý sẽ khai thác tối đa hệ thống cơ sở hạ tầng, kho bãi, trang thiết bị hiện đại, phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.

+ Khai thác liên kết thương mại với các đơn vị trong hệ thống

INTERSERCO có hệ thống các công ty con và đơn vị thành viên hoạt động trong nhiều ngành nghề hỗ trợ cho các lĩnh vực cốt lõi là logistic và cung ứng nguồn nhân lực, tận dụng tối đa các mối quan hệ với khách hàng trong và ngoài nước để mang lại nguồn thu cho Công ty.

+ Hoạt động đầu tư

Bên cạnh quản lý các khoản đầu tư hiện có tại các công ty con, công ty liên kết, Công ty tích cực tìm kiếm các cơ hội, các dự án đầu tư có tính khả thi, thực hiện phân tích, đánh giá kỹ lưỡng để đưa ra quyết định đầu tư với yêu cầu tập trung nguồn lực tài chính, đầu tư có hiệu quả tránh đầu tư dàn trải.

2. Dự án đầu tư trọng điểm

- Trong tương lai gần, Cảng nội địa ICD Mỹ Đình sẽ không còn phù hợp với quy mô và không thuận tiện cho xe vận tải, nhất là xe container ra vào. Do vậy Công ty tiến hành xin chủ trương của thành phố về việc di dời Cảng về Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội, hướng tới mở rộng thêm địa điểm mới, có vị trí thuận lợi và quy mô phù hợp để đáp ứng nhu cầu lưu giữ, giao nhận hàng hóa ngày một lớn và đa dạng.
- Diện tích khu đất khoảng 18,2 ha. Diện tích xây dựng 64.085 m2.
- Tổng vốn đầu tư là khoảng 1.360 tỷ đồng, trong đó vốn tự có chiếm 20% còn lại là vốn vay ngân hàng và nguồn khác chiếm 80%.
- Vốn vay đầu tư dài hạn trong vòng 15 năm, tổng số vốn phải trả bình quân hằng năm là: 74 tỷ đồng, trả lãi 35,431 tỷ đồng.
- Tiến độ công trình: Dự kiến khởi công Quý 2/2016 và hoàn thành Quý 1/2018.
- Khả năng tạo công ăn việc làm cho khoảng 1.200 lao động.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa:

Các năm đầu sau cổ phần hoá thực hiện tốt sản xuất kinh doanh các ngành nghề cốt lõi truyền thống.

Tập trung ổn định tổ chức và khắc phục các vấn đề còn tồn đọng kéo dài của các năm trước cổ phần hóa; xử lý, giải quyết dứt điểm các khoản công nợ.

Bên cạnh đó thực hiện kế hoạch di dời cảng song song với đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở của tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh, quy mô, đặc thù lĩnh vực hoạt động của Công ty sau khi cổ phần và nền tảng các nguồn lực hiện có, Công ty đưa ra dự kiến các chỉ tiêu kinh tế trong ba năm tiếp theo như sau:

Bảng số 8: Một số chỉ tiêu cơ bản sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Ước thực hiện 2015	2016		2017		2018	
				TH	Tăng trưởng (%)	TH	Tăng trưởng (%)	TH	Tăng trưởng (%)
1	Vốn điều lệ	Trđ		360.000	-	360.000	-	360.000	-
1	Tổng doanh thu	Trđ	180.000	180.270	0,15	190.185	5,5	211.010	10,59
2	Tổng chi phí	Trđ	173.590	173.814	0,13	180.438	3,81	197.902	9,68
3	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	6.410,26	6.456	0,72	9.474	50,97	13.108	34,48
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Trđ	1.410,26	1.291	-8,44	1.949	50,97	2.622	34,48
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	5.000	5.165	3,3	7.797,62	50,97	10.486,71	34,48
6	Trả cổ tức	Trđ		3.615		5.458,33	50,97	7.340,70	34,48
7	Tỉ lệ trả cổ tức	% năm		1%		1.5%	50	2%	33
8	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (30% LNST)	Trđ	-	1.549,50		2.339	50,97	3.146	34
9	Vốn chủ sở hữu	Trđ	360.000	361.549	0,43	363.889	0,65	367.035	1
10	Tỉ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	%		1,43		2,14	50	2,86	33

11	Lao động bình quân	Người	67	65	-2,98	68	4,61	70	2,94
12	Thu nhập bình quân	Trđ	8,46	9,2	8,74	10	8,69	10,5	5

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế)

(Lưu ý: Tỷ lệ cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định sau mỗi kỳ Đại hội và dựa trên cơ sở thực tế tại thời điểm Đại hội được triệu tập và sẽ quyết định sau).

Trên cơ sở Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 03 năm sau cổ phần hóa (2016- 2018), Công ty được tổ chức thực hiện theo tiến độ như sau:

- Năm 2015 Công ty hoàn tất các thủ tục theo hướng dẫn của các sở ban ngành Thành phố để có quyết định chuyển sang hoạt động của công ty cổ phần.
- Năm 2016, năm đầu tiên sau CPH, Công ty thực hiện củng cố bộ máy quản lý, nhân sự, vận hành nhuận nhuyễn theo hoạt động của Công ty cổ phần. Thực hiện phương án kinh doanh đã đề ra song song với việc bắt đầu triển khai dự án di dời Cảng ra khỏi Thành phố.
- Năm 2017 thực hiện phương án kinh doanh đã đề ra ở trên theo hướng tập trung phát triển hoạt động cốt lõi, tiếp tục thực hiện tiến độ dự án di dời Công ty. Đồng thời không ngừng nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người lao động.
- Năm 2018, sau khi hoàn thành dự án di dời cảng (Quý 2 trở đi) Công ty sẽ hoạt động kinh doanh tại địa điểm mới. Với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, quy mô lớn, trang thiết bị hiện đại, cung cấp được nhiều dịch vụ gia tăng cho khách hàng.

4. Kế hoạch sử dụng đất sau khi cổ phần hóa:

Bảng số 9: Kế hoạch sử dụng đất sau cổ phần hóa

TT	Vị trí	Diện tích (m2)	Hình thức sử dụng	Mục đích sử dụng
----	--------	----------------	-------------------	------------------

1	Số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.	47,029	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	INTERSERCO và Công ty cổ phần bất động sản AZ thực hiện dự án theo chấp thuận về mặt chủ trương của UBND thành phố tại văn bản số 5512/UBND-KH&ĐT ngày 04/07/2011 và văn bản số 6881/UND-QHKT ngày 01/10/2015;
		Trong đó: 35.069,5		
		11.959,5 Công ty CP Đầu tư Bất động sản Quốc tế (IPC) quản lý và sử dụng	<i>Công ty CP Đầu tư Bất động sản Quốc tế-IPC sẽ thực hiện thủ tục ký hợp đồng thuê đất theo quy định.</i>	<i>Công ty INTERSERCO thực hiện thủ tục thay đổi Quyền sử dụng đất theo theo văn bản số 7443/UBND-KT của UBND TP HN ngày 27/12/2007</i>
2	số 358 đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.	2,716.1	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Bàn giao cho Công ty cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại quốc tế thực hiện ký hợp đồng thuê đất để tiếp tục sử dụng làm Văn phòng Công ty và kinh doanh dịch vụ
3	Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.	21.081	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.	Tiếp tục sử dụng làm Văn phòng làm việc; Hệ thống kho hàng; làm nhà ở, nhà ăn, nhà để xe của công nhân

5. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa:

5.1. Giải pháp phát triển thị trường, phát triển thương hiệu

- Nhận thức sâu sắc thương hiệu chính là tài sản của Công ty và INTERSERCO đã có 35 năm thành lập và phát triển, uy tín và thương hiệu INTERSERCO ngày càng được khẳng định trên thị trường, sau cổ phần hóa, Công ty chú trọng vào việc phát triển thị trường, phát triển thương hiệu, cụ thể:
- Đẩy mạnh hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu thông qua các sự kiện thương mại ngành, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư.
- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ nguồn nhân lực phụ trách thương hiệu.
- Tăng cường các hoạt động bảo vệ và quản lý thương hiệu.
- Xây dựng hệ thống xếp loại khách hàng để có chính sách khách hàng hợp lý cho từng đối tượng khách hàng, tăng cường các hoạt động chăm sóc khách hàng.
- Xây dựng, hoàn thiện bộ tiêu chuẩn nhận diện thương hiệu.

- Đẩy mạnh truyền thông, quảng cáo.

5.2. Nâng cao năng lực tài chính:

- Khi chuyển sang công ty cổ phần, nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh là nguồn vốn tự có, vốn vay ngân hàng, vốn liên doanh với đối tác, huy động vốn ngắn hạn trong CBCNV. Nguồn vốn đầu tư phát triển chủ yếu từ phát hành trái phiếu, phát hành thêm cổ phiếu và hợp tác kinh doanh với đối tác bên ngoài.
- Công ty tập trung cho các dự án, các chương trình đầu tư cho hoạt động đầu tư, kinh doanh đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Công tác tài chính, kế toán và kế hoạch đầu tư, kinh doanh phải được tiến hành đồng bộ, chặt chẽ và bám sát thực tế.

5.3. Nâng cao năng lực quản lý:

- Sau khi cổ phần hóa, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này nhằm nâng cao tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý và tính hiệu quả khi giải quyết công việc.
- Công tác tổ chức nhân sự, khen thưởng, kỷ luật,... phải được thực hiện một cách chặt chẽ, công khai, minh bạch để phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động, đồng thời duy trì tính kỷ luật, tính tự giác của người lao động, chống thất thoát tài sản, hư hỏng máy móc, thiết bị và công cụ lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh.
- Người đứng đầu các đơn vị phòng ban là người chịu trách nhiệm toàn bộ về việc hoàn thành nhiệm vụ của phòng ban trước Ban Tổng Giám đốc.

5.3.1 Công tác quản trị và điều hành

- Tổ chức quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty tập trung về bộ máy điều hành gọn nhẹ hiệu quả thông qua việc xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và các phần mềm quản lý).
- Ứng dụng các tiến bộ của CNTT, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý khách hàng, kế toán....
- Kiện toàn và sắp xếp nhân sự toàn công ty hoạt động theo cơ chế cổ phần hoá. Xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự cho kế hoạch mỗi năm.
- Xây dựng các chức danh phù hợp với phạm vi công việc rõ ràng cho mọi thành phần nhân lực trong Công ty. Các chức danh có chính sách đào tạo được chi tiết theo các vị trí đã quy hoạch và theo nhu cầu mở rộng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.

- Quan tâm thu hút nguồn nhân lực ngoài Công ty có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt cho từng trường hợp cụ thể.

5.3.2 Giải pháp về văn hoá và chính sách nhân viên

- Xây dựng và thực hiện thành công văn hoá INTERSERCO trên tinh thần thân thiện, chia sẻ và nhân văn.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV thông qua chính sách lương, thưởng công bằng, công khai, minh bạch, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc.
- Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao, giao lưu đáp ứng nhu cầu tinh thần của CBCNV trong Công ty.

5.4. Phát triển nguồn nhân lực:

- Nhân tố con người quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Vì vậy, sau khi cổ phần hóa, Công ty phải có chính sách cũng như Quy chế minh bạch, rõ ràng đối với việc tuyển dụng, sử dụng, sắp xếp bố trí nhân sự, lao động một cách khoa học, thực tế và hiệu quả. Cụ thể như sau:
- Tiếp tục duy trì việc phân công, bố trí việc làm phù hợp và thuận lợi đối với sức khỏe, năng lực người lao động trong Công ty.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.
- Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần.
- Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ, giảm biên chế và giữ lại người lao động tinh thông nghề nghiệp.
- Cải thiện chế độ trả lương để tạo động lực thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.
- Có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những lao động có năng lực quản lý và tay nghề cao có nhiều cải tiến trong sản xuất mang lại lợi ích cho Công ty.
- Tạo mọi điều kiện để người lao động trong Công ty đều được mua cổ phần của Công ty.
- Đảm bảo tốt điều kiện và môi trường làm việc, an toàn lao động cho CB-CNV trong Công ty.

5.5. Giải pháp về quản lý và khai thác đất đai

- Tại các cơ sở diện tích đất Công ty quản lý, Công ty sẽ khai thác tối đa hệ thống cơ sở hạ tầng, kho bãi, trang thiết bị hiện đại, phục vụ nhu cầu sản xuất kinh

doanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và đảm bảo lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm.

V. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ

1. Các chi phí liên quan

❖ Dự trù chi phí cổ phần hóa

STT	Hạng mục chi phí	Chi phí (Đồng)
1.	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	50.000.000
1.1	Chi phí tập huấn nghiệp vụ cổ phần hóa	15.000.000
1.2	Chi phí kiểm kê xác định giá trị tài sản	5.000.000
1.3	Chi phí đại hội CNVC để triển khai CPH	10.000.000
1.4	Chi phí tổ chức ĐHĐCĐ thành lập	15.000.000
2.	Thuê các đơn vị có chức năng thực hiện công việc liên quan	330.000.000
2.1	Thuê tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp	150.000.000
2.2	Thuê đơn vị tư vấn lập phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ, lập Hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu, công bố thông tin	180.000.000
3.	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc	120.000.000
3.1	Thù lao ban chỉ đạo cổ phần hóa	80.000.000
3.2	Thù lao tổ giúp việc ban chỉ đạo cổ phần hóa	40.000.000
4.	Thanh toán chi phí đấu giá với Sở giao dịch chứng khoán	300.000.000
	Tổng cộng	800.000.000

❖ Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư

- Số lượng lao động giải quyết: 0 người.
- Tổng chi phí chi trả cho người lao động tính tới 30 /8/2015 là: 0 đồng.

Các chi phí liên quan tới việc cổ phần hóa và giải quyết cho người lao động sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi hoàn thành công tác cổ phần hóa.

2. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ chuyển đổi doanh nghiệp

Stt	Nội dung		Số lượng (CP)	Giá bán (đồng/CP)	Giá trị (đồng)
1	Vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	a			357.893.070.842
2	Vốn điều lệ CTCP dự kiến	b	36.000.000		360.000.000.000
3	Tiền thu từ CPH dự kiến	c			197.666.000.000
-	<i>Bán cho người lao động theo năm công tác</i>		84.100	6.000	504.600.000
-	<i>Bán theo cam kết làm việc</i>		89.200	10.000	892.000.000
-	<i>Đối tác chiến lược</i>		9.720.000	10.000	97.200.000.000
-	<i>Bán cho các nhà đầu tư khác qua đấu giá</i>		9.906.700	10.000	99.067.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho CBCNV, cổ đông chiến lược và đấu giá công khai	d			198.000.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại cho DN	e = (b-a)			2.106.929.158
6	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	f			500.000.000
7	Chi phí đại lý đấu giá	g			300.000.000
8	Chi phí giải quyết lao động dôi dư	h			0
9	Thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/ vốn điều lệ	i = (e/b) x (c-d-f-g-h)			-
10	Số tiền thu từ bán phần vốn nhà nước còn lại sau khi trừ các khoản chi phí	k = c-e-f-g-h			194.756.670.842

(Số liệu tính toán trên cơ sở giả định giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần, toàn bộ số cổ phần được mua hết)

PHẦN BA

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Tổ chức bán đấu giá công khai qua sở giao dịch chứng khoán	10/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần ưu đãi cho CBCNV	10/2015
3	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho cổ đông chiến lược	10/2015
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	11/2015
5	Tổ chức ĐHĐCĐ thành lập, thông qua Điều lệ CTCP, bầu HĐQT, BKS	12/2015
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh CTCP	12/2015
7	Tổ chức ra mắt CTCP, đăng bố cáo thành lập DN	01/2016

II. KIẾN NGHỊ

1. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết

Đối với việc xử lý số lượng cổ phần không bán hết Công ty đề nghị được thực hiện theo quy định tại Điều 40-Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Chào bán thỏa thuận tiếp số lượng cổ phần không bán hết cho nhà đầu tư chiến lược với giá không thấp hơn giá bán đấu giá thành công thấp nhất. Trường hợp chào bán theo phương thức thỏa thuận trực tiếp mà vẫn không bán hết thì Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị cho phép điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ trước khi tổ chức ĐHĐCĐ lần đầu.
- Bổ sung vào Dự thảo Điều lệ để thông qua ĐHĐCĐ lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần sau khi công ty cổ phần đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt điều chỉnh.

2. Phương án sử dụng đất

- Đề nghị UBND thành phố Hà Nội phê duyệt phương án sử dụng đất như Công ty INTERSERCO đã trình.
- Đối với diện tích đất INTERSERCO và các công ty con, công ty liên doanh liên kết đang quản lý và sử dụng tại vị trí số 17 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm sau cổ phần hóa đề nghị UBND thành phố Hà Nội phê duyệt kế hoạch sử dụng đất như trên.

III. KẾT LUẬN

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế là thật sự cần thiết nhằm chuyển đổi hình thức hoạt động của Công ty theo đúng tiến trình chung được Thành phố Hà Nội quy định và cũng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế kính trình Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa và cho phép Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ quốc tế bán cổ phần lần đầu ra công chúng trong thời gian sớm nhất.

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Yên